

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1800/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Báo cáo ĐTM Dự án xây dựng Nhà máy may thuộc Công ty TNHH Fruit of the Loom Việt Nam tại Cụm CN-DL Tiên Trang, xã Quảng Lợi (nay là xã Tiên Trang), huyện Quảng Xương; Quyết định số 5017/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt điều chỉnh nội dung Báo cáo ĐTM Dự án xây dựng Nhà máy may thuộc Công ty TNHH Fruit of the Loom Việt Nam tại Cụm CN-DL Tiên Trang, xã Quảng Lợi (nay là xã Tiên Trang), huyện Quảng Xương;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 01/FOTL-GPMT ngày 05/4/2024 của Công ty TNHH Fruit of the Loom Việt Nam về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH Fruit of the Loom Việt Nam tại Cụm CN-DL Tiên Trang, xã Tiên Trang, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa và Văn bản số 1705/2024/CV-FOTL ngày về việc giải trình hoàn thiện hồ sơ và đề nghị cấp GPMT cơ sở Công ty TNHH Fruit of the Loom Việt Nam tại Cụm CN-DL Tiên Trang, xã Tiên Trang, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1114/TTr-STNMT ngày 25 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Fruit of the Loom Việt Nam, địa chỉ tại: Cụm công nghiệp - Du lịch Tiên Trang, xã Tiên Trang, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Công ty TNHH

Fruit of the Loom Việt Nam tại Cụm công nghiệp - Du lịch Tiên Trang, xã Tiên Trang, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

- 1.1. Tên cơ sở: Công ty TNHH Fruit of the Loom Việt Nam
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp - Du lịch Tiên Trang, xã Tiên Trang, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: mã số 2802294083 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, đăng ký lần đầu ngày 22/5/2015; thay đổi lần thứ 7 ngày 24/01/2024.
- 1.4. Mã số thuế/dăng ký doanh nghiệp: 2802294083
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, kinh doanh hàng may mặc
- 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:
 - Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
 - Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
 - Tổng diện tích: 45.530 m², bao gồm 2 khu đất: khu đất số 1 có diện tích 9.750 m²; khu đất số 2 có diện tích 35.780 m²
 - Công suất: 88.000.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Fruit of the Loom Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty TNHH Fruit of the Loom Việt Nam có trách nhiệm:
 - 2.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường sau khi được cấp giấy phép môi trường.
 - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô

nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(từ ngày 05 tháng 7 năm 2024 đến ngày 05 tháng 7 năm 2034).

Giấy phép môi trường thành phần là Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 235/GP-UBND ngày 22/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Quảng Xương và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của cơ sở được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Fruit of the Loom Việt Nam (để t/hiện);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Quảng Xương (để theo dõi);
- UBND xã Tiên Trang (để g/sát)
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

*** Tại Khu sản xuất số 01:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải vệ sinh đại tiện, tiểu tiện và nước thải rửa tay, chân) từ Nhà vệ sinh tầng 01 và tầng 2 của Xưởng sản xuất số 1.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải vệ sinh đại tiện, tiểu tiện và nước thải rửa tay, chân) từ Nhà vệ sinh xưởng sản xuất số 2.

*** Tại Khu sản xuất số 02:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải vệ sinh đại tiện, tiểu tiện và nước thải rửa tay, chân) từ Nhà vệ sinh công nhân A, B, Nhà bảo vệ số 2.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải vệ sinh đại tiện, tiểu tiện và nước thải rửa tay, chân) Nhà vệ sinh văn phòng, Nhà vệ sinh C, Nhà bảo vệ số 1 và nước thải giặt vải phòng Lab.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận:

Cơ sở có 02 (hai) dòng nước thải, trong đó:

- Dòng số 01: Nước thải sau Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 48m³/ngày đêm của Khu sản xuất số 01 xả theo đường ống PVC, DN (90 – 110) ra cống thoát nước mặt của Khu sản xuất số 01 → Cống thoát nước chung của Cụm công nghiệp - Du lịch Tiên Trang, xã Tiên Trang, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Dòng số 2: Nước thải sau Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 100m³/ngày đêm của Khu sản xuất số 02 xả theo đường ống PVC, DN 140 ra cống thoát nước chung của Cụm công nghiệp - Du lịch Tiên Trang, xã Tiên Trang, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Cống thoát nước thải chung của Cụm công nghiệp - Du lịch Tiên Trang, xã Tiên Trang, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

2.3. Vị trí xả thải:

- Vị trí xả thải: Tại xã Tiên Trang, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiếu 3°) như sau:

+ Dòng nước thải số 01: X1 = 2172506 (m); Y1 = 585027 (m).

+ Dòng nước thải số 02: X2 = 2172779 (m); Y2 = 584935 (m).

- Điểm xả nước thải sau xử lý ra môi trường phải được lắp đặt biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát hoạt động xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.4. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 126 m³/ng.đ (24 giờ), trong đó:

- Dòng số 01: 37,5 m³/ngày đêm
- Dòng số 02: 88,5 m³/ngày đêm.

2.4.1. Phương thức xả thải:

- Phương thức xả thải: Tự chảy.
- Hình thức xả: Xả mặt

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24 giờ/ngày.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B với K = 1). Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng phải lắp đặt
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về Trạm xử lý nước thải:

*** Khu sản xuất số 1:**

+ Tuyến thu gom số 01: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải vệ sinh đại tiện, tiểu tiện và nước thải rửa tay, chân) từ Nhà vệ sinh tầng 01 và tầng 2 của Xưởng sản xuất số 1 → Hố gas → Đường ống HDPE, DN (100).

+ Tuyến thu gom số 02: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải vệ sinh đại tiện, tiểu tiện và nước thải rửa tay, chân) từ Nhà vệ sinh xưởng sản xuất số 2 → Hố gas → Đường ống HDPE, DN (100).

Nước thải từ 2 tuyến → Bể gom nước thải → HTXLNT tập trung số 1 (công suất $48\text{m}^3/\text{ngày.Đêm}$) → Mương thoát nước mặt của Nhà máy → Môi trường.

*** Khu sản xuất số 2:**

+ Tuyến thu gom số 01: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải vệ sinh đại tiện, tiểu tiện và nước thải rửa tay, chân) từ Nhà vệ sinh công nhân A, B, Nhà bảo vệ số 2 → Hố gas → Đường ống HDPE, DN (200-250).

+ Tuyến thu gom số 02: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải vệ sinh đại tiện, tiểu tiện và nước thải rửa tay, chân) Nhà vệ sinh văn phòng, Nhà vệ sinh C, Nhà bảo vệ số 1 và nước thải giặt vải phòng Lab → Hố gas → Đường ống HDPE, DN (100, 200-250).

Nước thải từ 2 tuyến thu gom trên → Hố thu gom → Đường ống HDPE, DN250 → HTXLNT tập trung số 2 công suất $100\text{m}^3/\text{ng.đ}$ → Mương thoát nước mặt của Nhà máy → Môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý nước thải của cơ sở

- Tại khu sản xuất số 01: Trạm xử lý nước thải tập trung công suất $48\text{m}^3/\text{ng.đ}$.
- Tại khu sản xuất số 02: Trạm xử lý nước thải tập trung công suất $100\text{m}^3/\text{ng.đ}$.

1.2.2. Tóm tắt quy trình công nghệ của trạm xử lý nước thải tập trung:

- Trạm xử lý nước thải tập trung công suất $48\text{m}^3/\text{ng.đ}$ (Tại khu sản xuất số 01): Bể gom nước thải → Máy tách rác tĩnh → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí MBBR → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Đường ống PVC, DN (90 – 110) → Mương thoát nước mặt của Nhà máy → Mương thoát nước chung của Cụm công nghiệp.

- Trạm xử lý nước thải tập trung công suất $100\text{m}^3/\text{ng.đ}$ (Tại khu sản xuất số 02): Hố thu gom → Ngăn điều hòa → Ngăn thiếu khí (có giá thể cố định) → Ngăn hiếu khí MBBR → Ngăn lắng → Bể thoát nước ra (có bổ sung hóa chất khử trùng) → Đường ống PVC, DN200 → Mương thoát nước mặt của Nhà máy → Mương thoát nước chung của Cụm công nghiệp.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Cloramin B, Mật rỉ đường, soda, chế phẩm vi sinh BIO dạng bột (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước

thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.4.3 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trạm xử lý nước thải tập trung được trang bị số lượng máy móc thiết bị (máy bơm, máy thổi khí...) gấp đôi số lượng cần để vận hành như: Trang bị 02 máy bơm tại các vị trí cần lắp đặt 01 máy bơm; 02 máy thổi khí,.. để 01 máy chạy, 01 máy dự phòng khi có sự cố; lắp đặt thiết bị bảo vệ cho máy bơm, máy nén khí, máy khuấy (Zơ lơ nhiệt, Atomat, khởi động từ, phao điện, thiết bị chống mất pha, chống đảo pha...) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; lắp đặt đèn tín hiệu, còi báo dừng hoạt động các thiết bị khi có sự cố; mua sắm thêm máy móc, thiết bị dự phòng và tập kết trong kho của Trạm xử lý để thay thế khi cần thiết.

- Vận hành các hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và xả nước thải sau xử lý.

- Khi Trạm xử lý nước thải tập trung có sự cố hoặc nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 phần A của Phụ lục, dừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận để thực hiện các biện pháp khắc phục như sau:

+ Nếu sự cố không đến mức nghiêm trọng, công nhân dừng vận hành hệ thống, đóng van để lưu giữ nước thải tạm thời trong các bể chứa của Trạm xử lý nước thải và khẩn trương khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, vận hành tăng công suất để đảm bảo xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 phần A của Phụ lục này trước khi xả ra hệ thống thu gom nước thải của cụm công nghiệp.

+ Trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng phải dừng nhiều ngày để sửa chữa, thay thế thiết bị, trong khi các bể chứa nước thải của Trạm xử lý nước thải tập trung đã đầy, Công ty báo cáo với chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường để được hướng dẫn thực hiện khắc phục sự cố. Đồng thời cho tạm dừng hoạt động của 1 số nhà xưởng, bộ phận để hạn chế phát sinh nước thải cần phải thu gom, xử lý để sửa chữa, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục, sửa chữa xong, đưa Trạm xử lý nước thải tập trung vào vận hành trở lại.

- Đối với nước thải sau Trạm xử lý nước thải tập trung có các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn cho phép chảy ra nguồn tiếp nhận nước thải, Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày

10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Công ty đã được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 88/GPUBND ngày 10/6/2024 và Giấy phép số 235/GP-UBND ngày 22/11/2021).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.4.3, phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin vận hành Trạm xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu ra; lượng điện tiêu thụ và lượng hóa chất sử dụng,...).

3.4. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của nhà máy theo quy định của pháp luật.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của máy bơm, máy thổi khí của Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu sản xuất số 01.
- Nguồn số 02: Từ hoạt động của xưởng sản xuất số 1 của Khu sản xuất số 01
- Nguồn số 03: Từ hoạt động của xưởng sản xuất số 2 của Khu sản xuất số 01
- Nguồn số 04: Hoạt động từ trạm biến áp, máy phát điện, máy khí nén, trạm bơm cứu hỏa của Khu sản xuất số 1.
- Nguồn số 05: Từ hoạt động của máy bơm, máy thổi khí của Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu sản xuất số 02.
- Nguồn số 06: Từ hoạt động của xưởng sản xuất của Khu sản xuất số 02
- Nguồn số 07: Hoạt động từ trạm biến áp, máy phát điện, máy khí nén, trạm cứu hỏa, hệ thống xử lý nước RO của Khu sản xuất số 2.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí phát sinh tiếng ồn và độ rung nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH Fruit of the Loom Việt Nam tại xã Tiên Trang, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Tòa độ đại diện các vị trí phát sinh tiếng ồn và độ rung (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0) như sau:

- Nguồn số 01: X = 2207324 (m); Y = 583506 (m).
- Nguồn số 02: X = 2207432 (m); Y = 583097 (m).
- Nguồn số 03: X = 2206832 (m); Y = 583479 (m).
- Nguồn số 04: X = 2206843 (m); Y = 583468 (m).
- Nguồn số 05: X = 2207439 (m); Y = 583090 (m).
- Nguồn số 06: X = 2206832 (m); Y = 583479 (m).
- Nguồn số 07: X = 2206843 (m); Y = 583482 (m).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.
- Tại các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu mỡ bôi trơn để giảm thiểu độ rung.
- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động phù hợp với từng vị trí làm việc như: Găng tay, khẩu trang, quần áo bảo hộ, kính bảo hộ, nút tai chống ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in thải có chứa thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	2.100
2	Mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 01	2.000
3	Bóng đèn huỳnh quang hỏng, thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	500
4	Pin thải, Ắc quy thải	Rắn	16 01 12	500
5	Bao bì nhựa thải (can nhựa, thùng nhựa dính CTNH thải)	Rắn	18 01 03	1.000
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 01 02	3.000
7	Giẻ lau dính dầu, chất hấp thụ, vật liệu lọc, vải bảo vệ thải nhiễm TPNH	Rắn	18 02 01	15.000
8	Dầu thải (dầu động cơ hộp số bôi trơn tổng hợp thải)	Lỏng	17 02 03	1.400
9	Rác thải y tế	Rắn	13 01 01	500
10	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải	Rắn	16 01 13	500
11	Kim loại bị nhiễm các thành phần nguy hại (kim may)	Rắn	11 04 01	100
	Tổng			26.600

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bìa cattong, giấy cắt mẫu, bao bì hỏng trong khâu đóng gói sản phẩm và lõi chỉ, túi ni lon, nhựa...	600.000
2	Vải vụn	2.000.000
3	Bùn thải từ Trạm xử lý nước thải	19.625
	Tổng khối lượng	2.619.625

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải khác:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	468
Tổng khối lượng		468

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng chứa có nắp đậy.
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH theo quy định.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Khu nhà chứa CTNH của Nhà máy tại Khu sản xuất số 01 có diện tích khoảng 12m², tại Khu sản xuất số 02 là 60 m². Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: có mái che kín, tường bao xung quanh, nền chống thấm, có rãnh và hố thu gom CTNH dạng lồng phòng sự cố thùng chứa, bao bì chứa bị rò rỉ, thùng vỡ, bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chất thải nguy hại phải định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các thùng đựng rác có thể tích 20 - 220 lít.
- Bao bì và túi ni lon để lưu giữ tại khu lưu giữ.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Tại Khu sản xuất số 01: Khu chứa diện tích khoảng 240 m²; tại Khu sản xuất số 02: Khu lưu chứa bố trí tại nhà xưởng sản xuất có diện tích khoảng 65m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Kết cấu mái che kín, tránh nắng và nước mưa, có biển báo đầy đủ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng nhựa cứng có dung tích khác nhau đặt tại khu văn phòng làm việc, các nhà xưởng tại nhà máy và vỉa hè đường nội bộ trong Nhà máy để lưu giữ

tạm thời.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

Không bố trí khu lưu chứa riêng chất thải sinh hoạt. Chất thải sinh hoạt thu gom vào các thùng chứa theo quy định và vận chuyển đi xử lý hàng ngày sau mỗi ca làm việc.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp phụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. /.

PHỤ LỤC 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Thực hiện công trình bảo vệ môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Quyền, nghĩa vụ của chủ cơ sở được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 47 của Luật BVMT năm 2020.

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Kiểm soát hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi ra môi trường xung quanh.

5. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B; K = 1,0). Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

6. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường

7. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

8. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo xin giấy phép môi trường.

9. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.